TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 908/2017/DS-PT
Ngày 27 - 9 - 2017
V/v tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu.

NHÂN DANH
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Ánh

Các Thẩm phán: Ông Lưu Trường Sanh

Bà Nguyễn Thị Thu Hằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Khánh Hoàng – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Duy Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2017 tại Phòng xử án dân sự - Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 344/2017/TLPT-DS ngày 16 tháng 08 năm 2017 về tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 1212/2017/DS-ST ngày 04 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1922/2017/QĐ-PT ngày 29 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Bà Phạm Bích Lan A**, sinh năm 1972;

Địa chỉ: đường N1, Phường D2, quận R, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Văn B, sinh năm 1985 – Địa chỉ: Đường A1, Khu phố A2, phường A3, quận O, Thành phố Hồ Chí Minh.

Là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền lập ngày 02/7/2015 tại Văn phòng Công chứng P, số công chứng 016173, Quyển số 07).

2. Bị đơn: **Văn phòng Công chứng C.**

Trụ sở: đường B1, phường B2, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Hồ Thị Trúc D, sinh năm 1987 – Địa chỉ: ấp C1, xã C2, huyện C3, tỉnh Q.

Là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 317/VPCCGĐ ngày 01/9/2017 lập tại Văn phòng Công chứng C).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Bích E, sinh năm 1950;

3.2. Ông Phạm Thái G, sinh năm 1971;

Cùng địa chỉ: đường D1, Phường D2, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.3. Bà Tôn Bích H, sinh năm 1969;

Địa chỉ: đường E1, phường E2, quận R, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà H: Ông Mai Văn I, sinh năm 1984 – Địa chỉ: đường K1, phường K2, quận O, Thành phố Hồ Chí Minh.

Là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền lập ngày 03/11/2016 tại Văn phòng công chứng T, số công chứng 010967, quyển số 11TP/CC-SCC/HĐGD).

3.4. Bà Dương Ngọc K, sinh năm 1982;

Địa chỉ: đường L1, Phường L2, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà K: Bà Phạm Thị L, sinh năm 1953 – Địa chỉ: đường L1, Phường L2, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền lập ngày 10/11/2016 tại Phòng công chứng U, số công chứng 25120, quyển số 11).

4. Người kháng cáo: Văn phòng Công chứng C – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn – Bà Phạm Bích Lan A có ông Phạm Văn B là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Căn nhà số 192/16, đường M1, Phường D2, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu của ông Phạm Thái M và bà Nguyễn Bích E theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 010522, số vào sổ H03241 do Ủy ban nhân dân Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/12/2006, trước bạ ngày 21/12/2006; ông M và bà E có hai con chung là bà Phạm Bích Lan A và ông Phạm Thái G.

Ngày 17/9/2008, ông M chết, ngày 07/6/2012 bà E làm tờ tường trình về quan hệ nhân thân của ông M, nộp hồ sơ khai nhận và phân chia di sản tại Văn phòng Công chứng C nhưng không khai bà Lan A là con của ông M. Ngày

09/6/2012, Văn phòng Công chứng C có Thông báo khai nhận di sản thừa kế số 245/TB-CCGĐ gửi Ủy ban nhân dân Phường D2, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh để niêm yết và ngày 10/7/2012, Văn phòng Công chứng C đã chứng nhận Văn bản khai nhận và thỏa thuận phân chia di sản số công chứng 014457, quyển số: 03TP/CC-SCC/CK với nội dung: Bà E và ông G là những người thừa kế theo pháp luật của ông M; di sản thừa kế là phần quyền sử dụng đất của ông M tại thửa đất số 39, tờ bản đồ số 18/BĐĐC P3/Q5, địa chỉ: 192/16 M1, Phường D2, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 010522, số vào sổ H03241 do Ủy ban nhân dân Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông M và bà E ngày 06/12/2006, trước bạ ngày 21/12/2006; Ông G tự nguyện tặng cho toàn bộ và không điều kiện phần tài sản mình được thừa kế tự ông M cho bà E; Bà E đồng ý nhận phần tài sản do đồng thừa kế khác tặng cho.

Ngày 02/8/2012, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất Quận S cập nhật tên bà E trên trang 4 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 010522, số vào sổ H03241 do Ủy ban nhân dân Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/12/2006.

Ngày 05/8/2013, bà E bán căn nhà trên cho bà Dương Ngọc K và ngày 11/9/2013, Ủy ban nhân dân Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 598893, số vào sổ CH08948 cho bà K.

Ngày 27/10/2014, bà K bán nhà lại cho bà Tôn Bích H và ngày 12/12/2014, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất Quận S cập nhật tên bà H là người sở hữu nhà.

Khi làm thủ tục khai nhận và thỏa thuận phân chia di sản, bà E và ông G không khai bà A là con của ông M là trái pháp luật đã gây thiệt hại cho bà A, nên bà A khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố Văn bản khai nhận và thỏa thuận phân chia di sản do Văn phòng Công chứng C chứng nhận số công chứng 014457, quyển số: 03TP/CC-SCC/CK ngày 10/7/2012 là vô hiệu vì bỏ sót người thừa kế theo pháp luật.

Bị đơn – Văn phòng Công chứng C có bà Hồ Thị Trúc D là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Đầu tháng 06/2012, Văn phòng Công chứng C tiếp nhận hồ sơ của bà Nguyễn Bích E yêu cầu khai nhận di sản đối với phần quyền sở hữu của ông Phạm Thái M chết ngày 17/9/2008. Theo tường trình của bà E thì bà và ông M là vợ chồng có 01 người con là ông Phạm Thái G, cha mẹ ông M đều chết trước ông M không có giấy chứng tử. Dựa trên những giấy tờ liên quan do bà E cung cấp, Văn phòng Công chứng C nhận thấy đủ cơ sở để thực hiện hồ sơ công chứng theo yêu cầu của bà E.

Ngày 09/6/2012, Văn phòng Công chứng C có Thông báo khai nhận di sản thừa kế số 245/TB-CCGĐ gửi Ủy ban nhân dân Phường D2, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện việc niêm yết theo quy định của pháp luật. Trong thời hạn 30 ngày niêm yết, Văn phòng Công chứng C không nhận được bất cứ khiếu nại hay phản hồi nào nên ngày 10/7/2012, Văn phòng Công chứng C đã công chứng Văn bản khai nhận và thỏa thuận phân chia di sản số công chứng 014457, quyển số: 03TP/CC-SCC/CK.

Văn phòng Công chứng C khẳng định đã tuân thủ các quy định của pháp luật, việc công chứng giao dịch nói trên là hoàn toàn khách quan, đúng pháp luật, không vi phạm đạo đức nghề nghiệp; các bên tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc và có cam kết tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung yêu cầu khai nhận di sản.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Bích E trình bày:

Bà và ông Phạm Thái M là vợ chồng có 02 con là Phạm Thái G và Phạm Bích Lan A; ông bà có tài sản chung là căn nhà số 192/16 M1, Phường D2, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông M chết năm 2008, do bà A đi khỏi nhà từ năm 2001 chỉ liên lạc với gia đình qua điện thoại, nên khi cần bán nhà chia thừa kế, bà có gọi điện cho bà A thương lượng nhưng bà A không đồng ý; vì bà thiếu nợ và không hiểu pháp luật nên khi làm thủ tục khai nhận di sản thừa kế của ông M tại Phòng Công chứng C, bà chỉ khai con trai là ông G đang ở chung nhà với bà để hoàn tất thủ tục khai nhận di sản, bán nhà trả nợ và chữa bệnh. Bà đã bán nhà cho bà Dương Ngọc K với giá 1.840.000.000 đồng, bà sử dụng tiền bán nhà để trả nợ và làm ăn nhưng bị gạt. Bà không đồng ý hủy văn bản khai nhận và thỏa thuận phân chia di sản theo yêu cầu của bà A vì Văn phòng Công chứng C, bà K và bà H không có lỗi. Bà đồng ý trả số tiến mà bà A được hưởng thừa kế là 300.000.000 đồng nhưng hiện nay bà không có khả năng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Thái G trình bày:

Ông xác nhận cha ông là ông Phạm Thái M chết năm 2008 và mẹ là bà Nguyễn Bích E, hai người còn có 01 người con là bà Phạm Bích Lan A. Vì bà A không có mặt ở nhà nên ông và bà E không khai tên bà A khi khai nhận di sản thừa kế của ông M tại Phòng Công chứng C. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà A ông không có ý kiến, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Dương Ngọc K có bà Phạm Thị L là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 06/7/2013, bà có mua căn nhà số 192/16, đường M1, Phường D2, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh của bà E với giá 1.840.000.000 đồng và đã được Ủy ban nhân dân Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 598893, số vào sổ CH08948 ngày 11/6/2013. Ngày 30/9/2014, bà đã bán căn nhà này cho bà

Tôn Bích H với giá 1.815.000.000 đồng. Bà nhận thấy việc mua bán căn nhà này là hoàn toàn hợp pháp và không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà A.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Tôn Bích H có ông Mai Văn I là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà H mua căn nhà số 192/16, đường M1, Phường D2, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh của bà K giá 1.815.000.000 đồng và đã đăng bộ sang tên hợp pháp; do đó bà H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà A.

Tại Bản án sơ thẩm số 1212/2017/DS-ST ngày 04 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn;

Tuyên bố Văn bản khai nhận và thỏa thuận phân chia di sản giữa bà Nguyễn Bích E và ông Phạm Thái G do Văn phòng Công chứng C chứng nhận theo số công chứng 014457 Quyển số 03 TP/CC-SCC/CK ngày 10/7/2012 là giao dịch dân sự vô hiệu.

2. Phòng Công chứng C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 200.000 đồng:

Hoàn lại cho bà Phạm Bích Lan A tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 200.000 đồng theo biên lai số 06026 ngày 05/12/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự cũng như các quy định về thi hành án dân sự.

Ngày 19/7/2017, bị đơn là Văn phòng Công chứng C có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Bị đơn là Văn phòng Công chứng C (có bà Hồ Thị Trúc D đại diện theo ủy quyền) trình bày yêu cầu kháng cáo như sau:

- Bị đơn không đồng ý với phần nhận định của bản án sơ thẩm về thủ tục công chứng Văn bản khai nhận và thỏa thuận phân chia di sản khi cho rằng:

+ Bị đơn không làm hết trách nhiệm khi không yêu cầu bà E cung cấp bản sao hộ khẩu cũ hoặc đến cơ quan công an để xác minh số lượng người có trong hộ khẩu và mối quan hệ với ông M;

+ Bị đơn không niêm yết Thông báo khai nhận và thỏa thuận phân chia di sản khi chứng nhận Văn bản khai nhận và thỏa thuận phân chia di sản. Các phần nhận định này không phù hợp với quy định của pháp luật về khai nhận di sản thừa

kế cũng như mục đích, tinh thần của việc niêm yết đối với thủ tục khai nhận di sản, thỏa thuận phân chia di sản, bởi lẽ:

+ Khi tiếp nhận hồ sơ khai di sản thừa kế, người nhận di sản phải xuất trình các giấy tờ nhân thân, các giấy tờ xác định quan hệ với người để lại di sản, vv.... Hộ khẩu trong trường hợp này để xác định nơi thường trú của người hưởng di sản, không nhằm xác định quan hệ với người để lại di sản.

+ Mục đích của việc niêm yết khi thực hiện hồ sơ khai nhận di sản, thỏa thuận phân chia di sản là một hình thức công khai và xác minh: thông tin người chết, những người được hưởng di sản thừa kế, di sản thừa kế, nghĩa vụ tài sản do người chết để lại, địa chỉ tổ chức hành nghề công chứng tiếp nhận khiếu nại, tố cáo có liên quan đến khai nhận di sản thừa kế để nhằm tránh trường hợp sót thừa kế, phát hiện tranh chấp liên quan đến quyền thừa kế, di sản thừa kế để kịp thời giải quyết các tranh chấp, khiếu nại về người thừa kế, quyền hưởng di sản thừa kế, di sản thừa kế,...Tuy nhiên, đã hết thời hạn niêm yết theo luật định nhưng bị đơn không nhận được bất kỳ phản hồi nào về việc bỏ sót thừa kế từ các cá nhân, tổ chức liên quan. Việc các đồng thừa kế nhận di sản hoặc thỏa thuận nhường/tặng cho phần di sản được hưởng của các đồng thừa kế có thể thay đổi trước, trong, sau thời gian niêm yết, đó là quyền dân sự của các đồng thừa kế, không phải là mục đích của việc niêm yết hướng tới và cũng không ảnh hưởng đến bản chất của việc niêm yết, nên không cần phải niêm yết lại.

+ Trong Thông báo khai nhận di sản số 245/TB-CCGĐ ngày 09/6/2012, Ủy ban nhân dân Phường D2, Quận S xác nhận rằng: đã tiếp nhận việc niêm yết từ ngày 09/6/2012, nên việc án sơ thẩm cho rằng Ủy ban nhân dân Phường D2, Quận S chỉ xác nhận có nhận thông báo, không xác nhận đã niêm yết là không phù hợp.

- Bản án sơ thẩm buộc bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm 200.000 đồng là không có cơ sở, vì bị đơn đã làm hết trách nhiệm, làm đúng và đầy đủ các thủ tục theo pháp luật quy định; việc bỏ sót thừa kế là lỗi của người khai nhận di sản cố tình giấu, bị đơn không có lỗi. Người có lỗi làm cho văn bản khai nhận và thỏa thuận phân chia di sản số 014457 ngày 10/07/2012, bị vô hiệu sẽ là người phải chịu án phí sơ thẩm. Từ phân tích trên, bị đơn yêu cầu cấp phúc thẩm sửa phần nhận định của bản án sơ thẩm và tuyên bị đơn không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn là bà Phạm Bích Lan A ủy quyền cho ông Phạm Văn B đại diện đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Dương Ngọc K ủy quyền cho bà Phạm Thị L đại diện giữ nguyên ý kiến như bà đã trình bày tại cấp sơ thẩm và không trình bày thêm.

- Bà Nguyễn Bích E có đơn xin vắng mặt.

- Ông Phạm Thái G, bà Tôn Bích H (bà H ủy quyền cho ông Mai Văn I đại diện) đã được tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ông Huỳnh Duy Dũng – Kiểm sát viên phát biểu: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng pháp luật.

Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn – Văn phòng Công chứng C làm trong thời hạn luật định, nên chấp nhận.

Về nội dung: Nhà đất số 192/16 M1, Phường D2, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc sở hữu của bà Nguyễn Bích E và ông Phạm Thái M. Ông M chết không để lại di chúc nên di sản của ông M trong căn nhà này được chia thừa kế theo pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất của ông M gồm bà E, ông G và bà Lan A. Tuy nhiên, khi tiến hành thủ tục khai nhận và phân chia di sản thừa kế, bà E đã cố tình bỏ sót bà Lan A. Đây là lỗi của bà E làm cho văn bản khai nhận và phân chia di sản thừa kế của ông M vô hiệu, nên bản án sơ thẩm tuyên bố văn bản này vô hiệu là có căn cứ. Đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn về nhận định của bản án sơ thẩm, xét thấy đối với nhận định về việc Văn phòng Công chứng C phải yêu cầu bà E cung cấp hộ khẩu cũ là không đúng, nhưng nhận định này cũng không làm ảnh hưởng đến nội dung và quyết định của bản án sơ thẩm. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức: Ngày 04/7/2017, Tòa án nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án, bị đơn - Văn phòng Công chứng C (có ông Phạm Văn Tàu đại diện theo ủy quyền) có mặt tại phiên tòa. Ngày 19/7/2017 bị đơn nộp đơn kháng cáo. Đơn kháng cáo của bị đơn được nộp trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, hợp lệ nên chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn không bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập tại cấp sơ thẩm để xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn - Văn phòng Công chứng C (có bà Hồ Thị Trúc D đại diện theo ủy quyền), về việc không đồng ý với phần nhận định của bản án sơ thẩm về thủ tục công chứng Văn bản khai nhận và thỏa thuận phân chia di sản, không đồng ý nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, Hội đồng xét xử thấy rằng:

- Đối với yêu cầu về việc không đồng ý với phần nhận định của bản án sơ thẩm về thủ tục công chứng Văn bản khai nhận và thỏa thuận phân chia di sản:

Thứ nhất, bản án sơ thẩm cho rằng Văn phòng Công chứng C không làm hết trách nhiệm khi không yêu cầu bà E cung cấp bản sao hộ khẩu cũ hoặc đến cơ quan công an để xác minh số lượng người có trong hộ khẩu và mối quan hệ với ông M. Nhận định này của bản án sơ thẩm là không phù hợp với quy định của pháp luật, bởi lẽ theo quy định tại Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính Phủ quy định về công chứng, chứng thực, tại khoản 3 Điều 7 quy định: "*người yêu cầu công chứng, chứng thực phải xuất trình đủ các giấy tờ cần thiết liên quan đến việc công chứng, chứng thực và phải chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của giấy tờ đó;...*"; khoản 2 Điều 52 quy định "*...người yêu cầu công chứng, chứng thực còn phải xuất trình giấy tờ để chứng minh quan hệ giữa người để lại di sản và người được hưởng di sản theo quy định của pháp luật về thừa kế, có sự cam đoan và chịu trách nhiệm về việc không bỏ sót người thừa kế theo pháp luật, trừ trường hợp không thể biết có người khác được hưởng thừa kế theo pháp luật*". Như vậy, người yêu cầu công chứng Văn bản khai nhận và thỏa thuận phân chia di sản ngày 10/07/2012 là bà Nguyễn Bích E phải có nghĩa vụ xuất trình đầy đủ các giấy tờ cần thiết liên quan đến việc công chứng văn bản này; nhưng bà E đã cố tình che giấu một đồng thừa kế của ông Phạm Thái M đó là bà Phạm Bích Lan A. Luật Công chứng năm 2006 và các văn bản hướng dẫn thi hành đều không quy định Văn phòng Công chứng trong trường hợp này phải có nghĩa vụ xác minh các đồng thừa kế của người để lại di sản. Vì vậy, bà E là người có lỗi trong việc bỏ sót đồng thừa kế di sản của ông Phạm Thái M, Văn phòng Công chứng C không có lỗi trong việc này, nên kháng cáo của bị đơn đối với nhận định này của bản án sơ thẩm là có căn cứ nên chấp nhận.

Thứ hai, đối với thủ tục niêm yết Văn bản khai nhận và thỏa thuận phân chia di sản: Tại Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ quy định về công chứng, chứng thực có quy định về thủ tục và nội dung công chứng, chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản, văn bản khai nhận di sản. Đây là hai điều luật khác nhau, cụ thể Điều 52 quy định về "Công chứng, chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản" và Điều 53 quy định về "Công chứng, chứng thực văn bản khai nhận di sản". Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 3 Điều 52, khoản 2 Điều 53 của nghị định này và mục 7, phần I của Thông tư số 03/2001/TT-BTP-CC ngày 14/03/2001 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị định số 75/2000/NĐ-CP thì: Việc thỏa thuận phân chia di sản, việc khai nhận di sản theo quy định tại Điều 52 và Điều 53 của Nghị định số 75/2000/NĐ-CP phải được niêm yết. Việc niêm yết do cơ quan công chứng, chứng thực thực hiện tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã) nơi thường trú, nơi tạm trú có thời hạn hoặc nơi có bất động sản của người để lại di sản trong thời hạn 30 ngày; Cơ quan công chứng, chứng thực phải cử người trực tiếp niêm yết, có sự chứng kiến của đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã. Tháng 6 năm 2012,

Văn phòng Công chứng C tiếp nhận hồ sơ khai nhận di sản thừa kế của bà Nguyễn Bích E. Sau khi kiểm tra các giấy tờ, tài liệu do bà E cung cấp, ngày 09/6/2012 Văn phòng Công chứng C ban hành Thông báo khai nhận di sản thừa kế số 245/TP-CCGĐ. Theo quy định của pháp luật nêu trên thì, cơ quan công chứng, chứng thực phải cử người trực tiếp niêm yết trong thời hạn 30 ngày, có sự chứng kiến của đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã. Theo công văn số 635/UBND ngày 21/9/2017 của Ủy ban nhân dân Phường D2, Quận S trả lời văn bản xác minh của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thì, Ủy ban nhân dân Phường D2, Quận S tiếp nhận và thực hiện niêm yết Thông báo khai nhận di sản thừa kế số 245/TP-CCGĐ ngày 09/6/2012 của Văn phòng Công chứng C từ ngày 09/6/2012 đến ngày 09/7/2012. Như vậy, việc niêm yết văn bản khai nhận di sản đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/7/2012, bà Nguyễn Bích E lập phiếu yêu cầu công chứng văn bản khai nhận và thỏa thuận phân chia di sản (bút lục 254). Như vậy, yêu cầu thỏa thuận phân chia di sản của bà E là một yêu cầu mới, phát sinh sau ngày Văn phòng Công chứng C niêm yết Thông báo số 245, lẽ ra Văn phòng Công chứng C phải thực hiện thủ tục niêm yết theo quy định của pháp luật đối với yêu cầu mới này của bà E, sau khi hết thời hạn niêm yết mới chứng nhận vào văn bản thỏa thuận phân chia di sản, nhưng Văn phòng Công chứng C lại không thực hiện việc niêm yết là không đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của Văn phòng Công chứng C.

- Đối với yêu cầu kháng cáo của Văn phòng Công chứng C về việc không đồng ý đóng tiền án phí dân sự sơ thẩm, vì bị đơn đã làm hết trách nhiệm, làm đúng và đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật, việc bỏ sót thừa kế là lỗi của người khai nhận di sản cố tình giấu, bị đơn không có lỗi, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời thừa nhận của bà Nguyễn Bích E, ông Phạm Thái G thì: Căn nhà số 192/16 M1, Phường D2, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh trước đây thuộc quyền sở hữu của bà E và chồng là ông Phạm Thái M. Năm 2008, ông M chết không để lại di chúc. Bà E và ông M có hai người con là Phạm Bích Lan A và Phạm Thái G. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 675 và điểm a khoản 1 Điều 676 của Bộ luật Dân sự năm 2005 thì phần di sản của ông M trong căn nhà nói trên được chia thừa kế theo pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất của ông M gồm bà Nguyễn Bích E, bà Phạm Bích Lan A và ông Phạm Thái G. Căn cứ chứng cứ do bà E cung cấp và lời khai của bà E, ông G thì, do bà E cần bán nhà để có tiền trả nợ nhưng bà Lan A không đồng ý, nên khi làm thủ tục khai nhận và phân chia di sản thừa kế tại Văn phòng Công chứng C bà E đã không khai bà Lan A là con của ông M. Như vậy, bà E đã cung cấp thông tin sai sự thật nhằm mục đích được toàn quyền bán căn nhà và không chia thừa kế cho bà

Lan A, làm thiệt hại đến quyền thừa kế của bà Lan A theo quy định của pháp luật, nên vi phạm điều cấm của pháp luật quy định tại khoản 2 Điều 12 Luật Công chứng năm 2006. Tại Điều 128 của Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: "*Giao dịch dân sự có mục đích và nội dung vi phạm điều cấm của pháp luật, trái đạo đức xã hội thì vô hiệu*". Như vậy, về mặt nội dung Văn bản khai nhận và thỏa thuận phân chia di sản của bà Nguyễn Bích E, ông Phạm Thái G bị vô hiệu là do lỗi của bà E. Tuy nhiên, như đã phân tích ở trên, về mặt thủ tục công chứng Văn phòng Công chứng C chưa thực hiện việc niêm yết đối với yêu cầu thỏa thuận phân chia di sản là không đúng quy định, nên căn cứ quy định tại Điều 5, khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí tòa án bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của bị đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Án phí dân sự phúc thẩm, do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên bị đơn phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 11 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 220, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 12, Điều 45, Điều 49 và Điều 50 Luật Công chứng năm 2006;

Căn cứ vào Điều 128, khoản 2 Điều 136, điểm a khoản 1 Điều 675, điểm a khoản 1 Điều 676 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ quy định về công chứng, chứng thực;

Căn cứ Thông tư 03/2001/TT-BTP-CC ngày 14/03/2001 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ quy định về công chứng, chứng thực;

Căn cứ Điều 5, khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đính kèm danh mục án phí, lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn – Văn phòng Công chứng C (có bà Hồ Thị Trúc D đại diện theo ủy quyền) về việc không đồng ý với nhận định của bản án sơ thẩm khi cho rằng bị đơn không làm hết trách nhiệm khi không yêu cầu bà E cung cấp bản sao hộ khẩu cũ hoặc đến cơ quan công an để xác minh số lượng người có trong hộ khẩu và mối quan hệ với ông M. Giữ nguyên bản án sơ thẩm, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn;

Tuyên bố Văn bản khai nhận và thỏa thuận phân chia di sản giữa bà Nguyễn Bích E và ông Phạm Thái G do Văn phòng Công chứng C chứng nhận theo số công chứng 014457 Quyển số 03 TP/CC-SCC/CK ngày 10/7/2012 là giao dịch dân sự vô hiệu.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: 200.000 (hai trăm ngàn) đồng Văn phòng Công chứng C phải nộp.

Hoàn lại cho bà Phạm Bích Lan A tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng theo biên lai số 06026 ngày 05/12/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Văn phòng Công chứng C phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 (ba trăm ngàn) đồng mà Văn phòng Công chứng C (ông Phạm Văn Tàu nộp thay) đã nộp theo biên lai số AA/2016/0019902 ngày 26/07/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDTC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận N;
- Chi cục THADS Quận N;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (T/20).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Thị Ánh